|  |  |
| --- | --- |
| **BIỂU 02: TỔNG HỢP CÁC NGUỒN KINH PHÍ PHÂN THEO NỘI DUNG THÀNH PHẦN** |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | *ĐVT: Triệu đồng* |
| **STT** | **Nội dung** | **Kế hoạch giai đoạn 2024-2025** | **Kế hoạch năm 2024** | **Kế hoạch năm 2025** | **Đơn vị sử dụng kinh phí** |
| **Tổng số (tất cả các nguồn)** |  | **Tổng số (tất cả các nguồn)** |  |
| NS tỉnh | NS huyện | NS xã |   | Vốn khác | NS tỉnh | NS huyện | NS xã |   | Vốn khác |
| Đầu tư công | Sự nghiệp | Đầu tư công | Sự nghiệp | Đầu tư công | Sự nghiệp | Vốn lồng ghép | Vốn vay tín dụng | Doanh nghiệp | Vốn huy động cộng đồng  | Đầu tư công | Sự nghiệp | Đầu tư công | Sự nghiệp | Đầu tư công | Sự nghiệp | Vốn lồng ghép |
| ***1*** | ***2*** |  | ***3*** | ***6*** | ***7*** | ***8*** | ***9*** | ***10*** | ***11*** | ***12*** | ***13*** | ***14*** | ***15*** | ***3*** | ***6*** | ***7*** | ***8*** | ***9*** | ***10*** | ***11*** | ***12*** |  |
| **TỔNG SỐ** | **787.434,685** | **155.352,166** |  | **15.322,366** | **0,000** | **9.985,600** | **0,000** | **0,000** | **132.860** | **0,000** | **0,000** | **0,000** | **632.082,519** | **0,000** | **17.213,419** | **500.000,000** | **11.716,900** | **0,000** | **0,000** | **103.152,200** |  |
| **1** | **Nội dung 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền.** | **730.000** | **130.000** |  |  |  |  |  |  | **130.000** |  |  |  | **600.000** |  |  | **500.000** |  |  |  |  **100.000**  |  |
|  | Tiếp tục xây dựng, hoàn chỉnh các công trình cấp xã, cấp huyện đảm bảo đạt chuẩn cơ sở vật chất cho các trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo | **730.000** | **130.000** |  |  |  |  |  |  | 130.000 |  |  |  | **600.000** |  |  | 500.000 |   |   |   |  100.000  | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| ***2*** | **Nội dung 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn...**  | **42.458,420** | **18.249,560** |  | **8.263,960** |  | **9.985,600** |  |  | **2.816** |  |  |  | **24.208,860** |  | **9.383,960** |  | **11.716,900** | **0,000** | **0,000** | **3.108** |  |
| ***-*** | Tập trung triển khai cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ theo hướng kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên và hạ tầng kinh tế xã hội | **3.108** |  |   |   |   |   |   |   |  1.816  |   |   |   | **3.108** |   |   |   |   |   |   | 3.108 |  |
| ***-*** | Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền, thành lập Trung tâm OCOP Quốc gia; phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn; đẩy mạnh sản xuất, chế biến muối theo chuỗi giá trị | **37.850,420** | **18.249,560** |   | 8.263,960 |   | 9.985,600 |   |   |   |   |   |   | **19.600,860** |   | 7.883,960 |   | 11.716,900 |   |   |   | Phân bổ kinh phí theo Kế hoạch thực hiện Chương trình Ocop giai đoạn đến năm 2025 |
| ***-*** | Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất trong đó, ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao liên kết theo chuỗi giá trị; thu hút khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy thực hiện bảo hiểm trong nông nghiệp | **1.500** |  |   |  |   |   |   |   | 1.000 |   |   |   | **1.500** |   | 1.500 |   |   |   |   |   |  |
|  | Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản; đa dạng hóa hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ đảm bảo bền vững trước các biến động của thiên tai, dịch bệnh, trong đó ưu tiên phát triển thương mại điện tử; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn gắn với việc đáp ứng các tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn và đáp ứng nhu cầu thị trường | **500** |  |   |   |   |   |   |   | 500 |   |   |   | **500** |   |   |   |   |   |   | 500 |  |
| **3** | **Nội dung 04: Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.** | **88,400** | **44,200** |  |  |  |  |  |  | **44,200** |  |  |  | **44,200** |  |  |  |  |  |  | **44,200** |  |
|  | Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 | **88,400** | **44,200** |   |   |   |   |   |   | 44,200 |   |   |   | **44,200** |   |   |   |   |   |   | 44,200 |  |
| **4** | **Nội dung 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam.** | **1.676,696** | **824,924** |  | **824,924** |   |   |   |   |   |   |   |   | **851,772** |  | **851,772** |   |   |   |   |   |  |
| **-** | Triển khai hiệu quả Chương trình “Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025”. | **1.676,696** | **824,924** |   | 824,924 |   |   |   |   |   |   |   |   | **851,772** |   | 851,772 |   |   |   |   |   | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| **+** | Mô hình khu dân cư kiểu mẫu hạn chế túi nylon, rác thải nhựa và phân loại rác tại nguồn.  | **510** | **255** |   | 255 |   |   |   |   |   |   |   |   | **255,000** |   | 255,000 |   |   |   |   |   | Văn Phòng ĐPCTXDNTM tỉnh |
| **+** |  - Mít tinh tuyên truyền về sử dụng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Mít tinh tuyên truyền về sử dụng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn | **524,152** | **256,488** |   | 256,488 |   |   |   |   |   |   |   |   | **267,664** |   | 267,664 |   |   |   |   |   | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| **+** |  - Xây dựng mới biển pano truyền thông về sử dụng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai | **642,544** | **313,436** |   | 313,436 |   |   |   |   |   |   |   |   | **329,108** |   | 329,108 |   |   |   |   |   | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| **5** | **Nội dung 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM.** | **2.268,708** | **1.068,252** |  | **1.068,252** |   |   |   |   |   |   |   |   | **1.200,456** |  | **1.200,456** |   |   |   |   |   |  |
| **-** | Tiếp tục tổ chức triển khai Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”; nâng cao hiệu quả thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội trong xây dựng NTM; tăng cường vận động, phát huy vai trò làm chủ của người dân trong xây dựng NTM; nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân vê kết quả xây dựng NTM | **1.093,928** | **480,862** |   | 480,862 |   |   |   |   |   |   |   |   | **613,066** |   | 613,066 |   |   |   |   |   | UBMTTQVN tỉnh |
| **-** | Thúc đẩy chưong trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gía xây dựng NTM | **587,390** | **293,695** |   | 293,695 |   |   |   |   |   |   |   |   | **293,695** |   | 293,695 |   |   |   |   |   | Tỉnh đoàn |
| **-** | Tổ chức Cuộc thi Thanh niên nông thôn sáng tạo khởi nghiệp lần thứ III, lần thứ IV năm 2024 | **339,590** | **169,795** |   | 169,795 |   |   |   |   |   |   |   |   | **169,795** |   | 169,795 |   |   |   |   |   | Tỉnh đoàn |
| **-** | Tổ chức Lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho đoàn viên thanh niên năm 2024 | **247,800** | **123,900** |   | 123,900 |   |   |   |   |   |   |   |   | **123,900** |   | 123,900 |   |   |   |   |   | Tỉnh đoàn |
| **6** | **Nội dung 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn.** | **3.866,160** | **1.719,080** |  | **1.719,080** |   |   |   |   |   |   |   |   | **2.147,080** |  | **2.147,080** |   |   |   |   |   |  |
|  | Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh ngay từ đầu, từ nơi xuất phát và ngay tại cơ sở; đồng thời phải sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm “bốn tại chỗ”, hạn chế để hình thành các điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự...  | **3.866,160** | **1.719,080** |   | 1.719,080 |   |   |   |   |   |   |   |   | **2.147,080** |   | 2.147,080 |   |   |   |   |   | Công an tỉnh |
| **7** | **Nội dung 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.** | **7.076,300** | **3.446,150** |  | **3.446,150** |  |  |  |  |  |  |  |  | **3.630,150** |  | **3.630,150** |  |  |  |  |  |  |
| **-** | Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, đặc biệt xây dựng hệ thống giám sát thông qua bản đồ số và cơ sở dữ liệu; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đông | **2.142,640** | **979,320** |  | 979,320 |   |   |   |   |   |   |   |   | **1.163,320** |   | 1.163,320 |  |  |  |  |  | Văn phòng Điều phối CTXDNTM tỉnh |
| **-**  | Đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng NTM | **3.246,000** | **1.623,000** |  | 1.623 |   |   |   |   |   |   |   |   | **1.623,000** |   | 1.623,00 |  |  |  |  |  | Văn phòng Điều phối CTXDNTM tỉnh |
| **-** | Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM | **1.687,660** | **843,830** |  | **843,830** |  |  |  |  |  |  |  |  | **843,830** |  | **843,830** |  |  |  |  |  | Văn phòng Điều phối CTXDNTM tỉnh |
| **+**  | Thay đổi khẩu hiệu tuyên truyền pano | **487,100** | **243,550** |  | 243,550 |  |  |  |  |  |  |  |  | **243,550** |  | 243,550 |  |  |  |  |  |  |
| **+**  | Thực hiện phóng sự tuyên tuyền nông thôn mới kiểu mẫu 2023Nội dung: Hướng dẫn các Bộ tiêu chí nông thôn mới, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, khu dân cư kiểu mẫu; quy trình thực hiện,..) | **190,000** | **95** |  | 95 |  |  |  |  |  |  |  |  | **95** |  | 95 |  |  |  |  |  |  |
| **+**  | Hội thi trực tuyến tìm hiểu kiến thức về xây dựng nông thôn mới | **180,100** | **90,050** |  | 90,050 |   |   |   |   |   |   |   |   | **90,050** |   | 90,050 |  |  |  |  |  |  |
| **+**  | Hội thi "khu dân cư kiểu mẫu sáng, xanh, sạch đẹp" cấp tỉnh  | **830,460** | **415,230** |  | 415,230 |   |   |   |   |   |   |   |   | **415,230** |   | 415,230 |  |  |  |  |  |  |